TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27/11/2025
"V/v Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Đào.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Ngạn.

Bà Lê Thị Phương Thuận.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Hồng Quỳnh – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Quế - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2025, tại Trụ sở, Toà án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng mở phiên toà xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 192/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn, nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thùy D, sinh năm 1998. ĐKTT: thôn N, xã TH, thành phố HP. Nơi cư trú: thôn BNL, xã NL, tỉnh HY. Căn cước công dân: 034198013209.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Hà, bà Nguyễn Khánh Huyền. Địa chỉ: số 3/115 Nguyễn Khang, Cầu Giấy, Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên toà (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1995. ĐKTT: thôn N, xã TH, thành phố HP. Hiện đang sinh sống ở Nhật Bản. Số hộ chiếu: C9635688.

Vắng mặt tại phiên toà (có ý kiến xin vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị N, sinh năm 1965 và ông Lê Văn B, sinh năm 1965. Địa chỉ: ĐKTT: thôn N, xã TH, thành phố HP.

Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin vắng mặt).

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Đỗ Thùy D trình bầy: Chị và anh T được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào năm 2017 tại UBND xã Bình Xuyên (nay là xã Thượng Hồng, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau chung sống tại gia đình nhà chồng ở xã Thượng Hồng. Cuộc sống chung hạnh phúc được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hoà hợp về tính tình, bất đồng trong cách sống và cách làm ăn kinh tế. Cuộc sống chung mâu thuẫn nên anh chị quyết tâm đi lao động tại Nhật Bản giúp cải thiện kinh tế và cùng nhau suy nghĩ lại. Khi anh chị cùng sống bên Nhật Bản cũng không sống cùng và không liên hệ với nhau. Anh chị sống ly thân từ năm 2022, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Chị hết hạn hợp đồng, chị về nước, anh chị cũng không thông báo cho nhau biết. Anh cũng chưa lần nào chủ động điện thoại hỏi han cuộc sống của chị nên chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Lê Thị Minh Th, sinh ngày 06/6/2018. Khi ly hôn chị có nguyện vọng để con cho anh T nuôi dưỡng. Hiện nay, con đang sinh sống cùng bố mẹ anh T là bà N và ông B tại xã Thượng Hồng. Con chung phát triển tốt về mọi mặt và ổn định cuộc sống. Khi trao đổi với con về việc ly hôn của anh chị thì con có nguyện vọng sinh sống cùng bố nên chị tôn trọng nguyện vọng của con. Chị cũng đã trao đổi với anh T và bố mẹ anh T thì gia đình đều nhất trí để con Th cho anh T nuôi dưỡng, nay anh T đã đi lao động nước ngoài thì bà N và ông B sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng con thay anh T. Chị có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh T 3.000.000đ/tháng cho đến khi con thành niên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T đến tham gia tố tụng tại Tòa, tuy nhiên anh vắng mặt không có lý do. Tòa án xuống gia đình anh làm việc thì được mẹ anh là bà Trần Thị N trao đổi. Hiện nay anh T đang làm việc tại Nhật Bản, không có địa chỉ rõ ràng nên không cung cấp được cho Tòa án. Tòa án đã có văn bản yêu cầu anh trình bầy quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị D. Tuy nhiên, hiện nay đang sống tại Nhật Bản, địa chỉ không rõ ràng nên không thể thực hiện được việc gửi quan điểm về cho Toà án theo đường bưu chính. Anh cũng từ chối cung cấp địa chỉ của anh cho bà N để bà N cung cấp cho Toà. Bà liên hệ với anh qua mạng xã hội và bà đã trao đổi toàn bộ nội dung khởi kiện của chị D đối với anh. Quan điểm của anh T như sau: Về quan hệ vợ chồng: Anh xác định: Anh và chị D

kết hôn tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã Bình Xuyên vào năm 2017. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, không đồng thuận trong làm ăn kinh tế. Mâu thuẫn đã trầm trọng, chị D xin ly hôn anh, anh nhất trí ly hôn. Về con chung: Anh chị có 01 con như chị D trình bầy là chính xác. Khi ly hôn nhất trí quan điểm với chị D, giao con cho anh nuôi dưỡng, anh đang đi lao động nước ngoài thì bố mẹ anh là bà N và ông B sẽ thay anh chăm sóc con. Chị D cấp dưỡng tiền nuôi con chung 3.000.000đ/tháng cho đến khi con thành niên, anh hoàn toàn nhất trí.

Về tài sản chung, nợ, công sức: Anh chị xác định, vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Quan điểm của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà N, ông B: Ông bà trình bầy: Bà là mẹ của anh T. Toàn bộ văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh T, bà đã thông báo cho anh T. Quan điểm của anh T xác định. Về quan hệ vợ chồng: Chị D xin ly hôn anh, anh nhất trí ly hôn. Về con chung. Anh chị có 01 con chung, khi ly hôn anh sẽ nuôi dưỡng con và chị D cấp dưỡng tiền nuôi con chung 3.000.000đ/tháng, anh cũng nhất trí. Hiện nay, anh ở xa nên không về tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân được, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Bà khẳng định những nội dung bà cung cấp cho Toà án là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai bà chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đối với việc nuôi dưỡng con chung của anh T chị D: Bà xác định, hiện nay con chung vẫn đang sống cùng bà và con vẫn phát triển tốt về mọi mặt. Thực tế, từ khi con Th còn nhỏ, bà là người chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay, anh T chị D không chung sống được với nhau mà phải ly hôn, anh T nuôi dưỡng con và đề nghị tạm giao cho bà và ông B nuôi dưỡng trong thời gian anh đi lao động nước ngoài, bà hoàn toàn nhất trí. Khi nào anh T về nước thì bà sẽ giao lại con cho anh T nuôi dưỡng.

Tại phiên toà, nguyên đơn (thông qua đơn xin xét xử vắng mặt) vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết về quan hệ vợ chồng và con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng phát biểu quan điểm: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng qui định của BLTTDS, người tham

gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng qui định của pháp luật. Bị đơn còn vắng mặt các buổi làm việc do Tòa án triệu tập. Về đường lối giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Đỗ Thùy D ly hôn anh Lê Văn T. Về con chung: Giao con chung là Lê Thị Minh T, sinh ngày 06/6/2018 cho anh Lê Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con thành niên. Chị D có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh T là 3.000.000đ/tháng cho đến khi con thành niên. Trong thời gian anh T chưa về nước giao con Th cho bố mẹ anh T là bà N ông B nuôi dưỡng, chăm sóc. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử (được viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Lê Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã TH, thành phố HP. Anh T đã xuất cảnh ngày gần nhất là 14/7/2025 bằng hộ chiếu số C9635688 qua cửa khẩu Nội Bài nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Họ đều có ý kiến xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 BLTTDS, HĐXX tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thùy D và anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Xuyên (nay là xã Thượng Hồng) vào năm 2017. Đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn anh chị trình bầy phù hợp với nhau: Do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống không có hạnh phúc. Gia đình hai bên đã tác động nhiều lần nhưng không hòa giải được. Anh chị sống ly thân một thời gian dài, hiện nay mỗi người có một cuộc sống riêng không ai quan tâm đến cuộc sống của ai và

không có biện pháp gì để tổ chức cuộc sống chung hạnh phúc. Chị D xin ly hôn anh T, anh T thông qua bà N là mẹ trình bầy nhất trí ly hôn. Điều đó khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên hòa giải và phiên tòa anh T đều vắng mặt nên HĐXX cần xử cho chị Đỗ Thùy D được ly hôn anh Lê Văn T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: Anh chị đều thống nhất quan điểm. Khi ly hôn anh chị thống nhất giao 01 con chung là Lê Thị Minh Th, sinh ngày 06/6/2018 cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 3.000.000đ/tháng. Hiện nay anh T đang lao động tại Nhật Bản nên anh T, chị D, bà N và ông B thống nhất: Tạm giao con Th cho ông B bà N nuôi dưỡng, giáo dục trong thời gian anh T đi lao động nước ngoài. HĐXX xét thấy, quan điểm trên của anh chị là tự nguyện, không bị ai ép buộc, phù hợp với nguyện vọng của con xin được chung sống cùng anh T khi anh chị ly hôn. Ông B bà N nhất trí nhận chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Th trong thời gian anh T không ở Việt nam. Anh T và ông B bà N đều có đủ điều kiện về vật chất và tinh thần để nuôi dưỡng con Th trưởng thành nên HĐXX giao con cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, về nợ và công sức đóng góp với gia đình hai bên: Anh chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Đỗ Thùy D phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Đỗ Thùy D ly hôn anh Lê Văn T.

[2]. Về con chung: Giao con chung là Lê Thị Minh Th, sinh ngày 06/6/2018 cho anh Lê Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con thành niên. Chị D có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh T là 3.000.000đ/tháng cho đến khi con thành niên.

Anh T đang lao động nước ngoài nên tạm giao con Lê Thị Minh Th cho ông Lê Văn B và bà Trần Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông B bà Nguyệt có trách nhiệm giao con lại cho anh T khi anh T về nước.

Sau khi ly hôn, chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị D không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị anh T. Nếu chị D vi phạm thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3]. Về án phí: Chị Đỗ Thùy D phải chịu số tiền 600.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0003805 ngày 14/10/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị D phải nộp thêm 300.000đ án phí.

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị D, anh T, ông B và bà N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc Tòa án niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 12 – Hải Phòng.
- Phòng THADS 12 – Hải Phòng.
- Thi hành án DS TP Hải Phòng.
- Nguyên đơn, bị đơn.
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.
- UBND xã Thượng Hồng, TP. Hải Phòng.
- L- u hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Đào